

ĐỐI CHIẾU HAI BẢN KINH A DI ĐÀ

<p>佛說阿彌陀經 Phật Thuyết A Di Đà Kinh Kinh Phật Thuyết A Di Đà No. 366</p>	<p>稱讚淨土佛攝受經 Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ No. 367</p>
<p>姚秦三藏法師鳩摩羅什譯 Diêu Tần Tam tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch Đời Diêu Tần, Tam tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch Việt dịch: H.T Thích Trí Tịnh</p>	<p>唐三藏法師玄奘奉詔譯 Đường Tam tạng pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch Đời Đường, Tam tạng pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch Việt dịch: Quảng Minh</p>
<p>如是我聞。 Nhu thị ngã văn Ta nghe như vậy</p>	<p>如是我聞。 Nhu thị ngã văn Tôi nghe như vậy:</p>
<p>一時。 nhất thời Một thuở nọ</p>	<p>一時。 nhất thời Một thời</p>
<p>佛在舍衛國。 Phật tại Xá Vệ quốc Đức Phật ở nơi vườn Kỳ Thọ,</p>	<p>薄伽梵在室羅筏。 Bạc đà phạm tại thất la phiệt, đức Bạc già phạm ở thành Thất La Phiệt,</p>
<p>祇樹給孤獨園。 Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên Cấp Cô Độc nước Xá-Vệ,</p>	<p>住誓多林給孤獨園。 trụ Thệ đa lâm Cấp cô độc viên, rừng Thệ Đa, trong vườn Cấp cô độc,</p>
<p>與大比丘僧。 dữ đại Tỳ Kheo tăng cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị</p>	<p>與大苾芻眾。 dữ đại bí sô chúng cùng chúng đại bí sô</p>
<p>千二百五十人俱。 thiên nhị bách ngũ thập nhân câu đại Tỳ kheo câu hội</p>	<p>千二百五十人俱。 thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, một ngàn hai trăm năm mươi vị tụ hội,</p>
<p>皆是大阿羅漢。 giai thị đại A La Hán đều là bậc A La Hán</p>	<p>一切皆是尊宿聲聞。 nhất thiết giai thị tôn túc thanh văn, toàn là bậc tôn túc thanh văn,</p>
<p>眾所知識。 chúng sở tri thức mọi người đều quen biết,</p>	<p>眾望所識大阿羅漢。 chúng vọng sở thức đại A la hán bậc đại A la hán mà mọi người đều biết:</p>

<p>長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。 Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, như là: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp,</p> <p>摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅候羅。橋梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。 Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lư Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Ma-Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đọa, Ca Lư Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La,</p>	<p>其名曰尊者舍利子。摩訶目犍連。摩訶迦葉。 。Kỳ danh viết tôn giả Xá lợi tử, Ma ha Mục kiền liên, Ma ha Ca diếp, tôn giả Xá lợi tử, Ma ha Mục kiền liên, Ma ha Ca diếp,</p>
<p>阿菟樓駄。 A Nậu Lâu Đà, A Nậu Lâu Đà,</p>	<p>阿泥律陀。 A nê luật đà A nê luật đà,</p>
<p>如是等諸大弟子。 như thị đẳng chư đại đệ tử. những vị đại đệ tử như thế.</p>	<p>如是等諸大聲聞而為上首。 Như thị đẳng chư đại thanh văn nhi vi thượng thủ. các vị đại thanh văn đại loại như vậy làm thượng thủ.</p>
<p>并諸菩薩摩訶薩。 Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Và hàng Đại Bồ Tát,</p>	<p>復與無量菩薩摩訶薩俱。 Phục dữ vô lượng Bồ tát Ma ha tát câu, Lại cùng với vô số vị bồ tát ma ha tát tụ hội,</p> <p>一切皆住不退轉位。無量功德眾所莊嚴。 nhất thiết giai trụ bất thoái chuyển vị, vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm, tất cả đều trú địa vị Không còn thoái chuyển, trang nghiêm bằng vô lượng công đức,</p>
<p>文殊師利法王子。 Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn-Thù Sư Lợi: Pháp Vương Tử,</p>	<p>其名曰。 Kỳ danh viết: danh hiệu của chư vị là:</p> <p>妙吉祥菩薩。 Diệu Cát Tường bồ tát, bồ tát Diệu Cát Tường,</p>

<p>阿逸多菩薩。 A Dật Đa Bồ Tát, A-Dật-Đa Bồ Tát,</p>	<p>無能勝菩薩。 Vô Năng Thắng bồ tát, bồ tát Vô Năng Thắng,</p>
<p>乾陀訶提菩薩。 Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, 常精進菩薩。 Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát,</p>	<p>常精進菩薩。 Thường Tinh Tiến bồ tát, bồ tát Thường Tinh Tiến, 不休息菩薩。 Bất Hưu Tức bồ tát, bồ tát Bất Hưu Tức,</p>
<p>與如是等諸大菩薩。 dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cùng với các vị Đại Bồ tát như thế</p>	<p>如是等諸大菩薩而為上首。 Như thị đẳng chư đại bồ tát nhi vi thượng thủ. các vị đại bồ tát đại loại như vậy làm thượng thủ.</p>
<p>及釋提桓因等。 cập Thích Đề Hoàn Nhân và với vô lượng chư Thiên</p>	<p>復有帝釋。 Phục hữu Đế thích Lại có Đế thích, 大梵天王。堪忍界主。護世四王。如是上首。 。百千俱胝那庾多數。諸天子眾。 Đại Phạm thiên vương, Kham nhẫn giới chủ, Hộ thế tứ vương, như thị thượng thủ. Bách thiên câu chi na dữu đa số chư Thiên tử chúng Đại phạm thiên vương - chủ của thế giới Kham nhẫn, bốn vị thiên vương hộ thế, các vị như vậy làm thượng thủ. Có số trăm ngàn câu chi na dữu đa các vị thiên tử,</p>
<p>無量諸天大眾 vô lượng chư Thiên đại chúng như ông Thích Đề Hoàn Nhơn v.v... đại chúng</p>	<p>及餘世間無量天人阿素洛等。 cập dư thế gian vô lượng thiên nhân, a tố lạc đẳng. vô lượng chư thiên, nhân loại, a tố lạc và các hạng thế gian khác,</p>
<p>俱。 câu. cùng đến dự hội.</p>	<p>為聞法故。 vị văn Pháp cố, vì muốn nghe pháp 俱來會坐。 câu lai hội tọa. nên cùng đến ngồi trong pháp hội.</p>
<p>爾時佛告長老舍利弗。 Nhĩ thời Phật cáo Trưởng lão Xá Lợi Phất: Bấy giờ đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng:</p>	<p>爾時世尊告舍利子。 Nhĩ thời Thế tôn cáo Xá lợi tử Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo tôn giả Xá lợi tử:</p>

	<p>汝今知不。 Nhữ kim tri bất Tôn giả có biết không,</p>
<p>從是西方。 Tùng thị Tây phương, Từ đây qua phương Tây</p>	<p>於是西方。 Ư thị Tây phương, từ thế giới này,</p> <p>去此世界。 khứ thử thế giới。 hướng về phương Tây,</p>
<p>過十萬億佛土。 quá thập vạn ức Phật độ, quá mười muôn ức cõi Phật,</p>	<p>過百千俱胝那庾多佛土。 quá bách thiên câu chi na dữu đa Phật độ, qua trăm ngàn câu chi na dữu đa cõi Phật,</p>
<p>有世界名曰極樂。 hữu thế giới danh viết Cực Lạc, có thế giới tên là Cực Lạc,</p>	<p>有佛世界名曰極樂。 hữu Phật thế giới danh viết Cực lạc có một thế giới Phật tên là Cực lạc.</p>
<p>其土有佛。 kỳ độ hữu Phật trong thế giới đó có đức Phật</p> <p>號阿彌陀。 hiệu A Di Đà, hiệu là A Di Đà</p>	<p>其中世尊。 Kỳ trung Thế tôn Cõi Phật ấy có đức Thế tôn</p> <p>名無量壽。及無量光。如來應正等覺。十號 圓滿。 danh Vô Lượng Thọ cập Vô Lượng Quang Như lai, Ứng chánh đẳng giác, thập hiệu viên mãn, danh hiệu là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang Như lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, mười hiệu viên mãn,</p>
<p>今現在說法。 kim hiện tại thuyết pháp. hiện nay đang nói pháp.</p>	<p>今現在彼。安隱住持。 Kim hiện tại bi an ôn trú trì, hiện nay vẫn còn trú trì yên ổn nơi cõi ấy,</p> <p>為諸有情。宣說甚深微妙之法。令得殊勝利 益安樂。 vị chư hữu tình, tuyên thuyết thậm thâm vi diệu chi pháp, lĩnh đắc thù thắng lợi ích an lạc. tuyên thuyết cho người ở đó về pháp thậm thâm vi diệu, làm cho họ được lợi ích yên vui thù thắng.</p>

<p>舍利弗。 Xá Lợi Phát, Xá Lợi Phát!</p> <p>彼土何故名為極樂。 Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Cõi đó vì sao tên là Cực lạc?</p>	<p>又舍利子。 Hựu xá lợi tử, Này xá lợi tử,</p> <p>何因何緣彼佛世界名為極樂。 hà nhân hà duyên, bỉ Phật thế giới danh vi Cực lạc vì lý do gì thế giới Phật ấy tên là Cực lạc?</p>
<p>其國眾生。 Kỳ quốc chúng sanh, Vì chúng sanh trong cõi đó</p> <p>無有眾苦。 vô hữu chúng khổ, không có bị những sự khổ,</p>	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này xá lợi tử,</p> <p>由彼界中諸有情類。 do bỉ giới trung chư hữu tình loại, vì người sống trong thế giới ấy</p> <p>無有一切身心憂苦。 vô hữu nhất thiết thân tâm ưu khổ không có tất cả sự lo nơi tâm và sự khổ nơi thân,</p>
<p>但受諸樂。 đản thọ chư lạc, chỉ hưởng những điều vui,</p>	<p>唯有無量清淨喜樂。 duy hữu vô lượng thanh tịnh thiện lạc mà chỉ có vô lượng sự hỷ lạc và thanh tịnh,</p>
<p>故名極樂。 cố danh Cực Lạc. nên nước đó tên là Cực Lạc.</p>	<p>是故名為極樂世界。 thị cố danh vi Cực lạc thế giới. nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>又舍利弗。 Hựu xá lợi phát Xá Lợi Phát!</p> <p>極樂國土。 Cực Lạc quốc độ, Lại trong cõi Cực Lạc</p>	<p>又舍利子。 Hựu xá lợi tử Này nữa xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p>
<p>七重欄楯。 thất trùng lan thuẩn, có bảy tầng bao lơn,</p> <p>七重羅網。 thất trùng la võng, bảy tầng màn lưới,</p>	<p>處處皆有七重行列妙寶欄楯。 xứ xứ giai hữu thất trùng hàng liệt diệu bảo lan thuẩn, chỗ nào cũng có bảy lớp lan can báu,</p> <p>七重行列寶多羅樹。 thất trùng hàng liệt bảo đa la thọ bảy lớp hàng cây Đa la báu,</p>

<p>七重行樹。 thất trùng hàng thọ, bảy tầng hàng cây,</p>	<p>及有七重妙寶羅網。 cập hữu thất trùng diệu bảo la võng, bảy lớp lưới giảng báu,</p>
<p>皆是四寶周匝圍繞。 giai thị tứ bảo, châu tráp vi nhiều, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng,</p>	<p>周匝圍繞。四寶莊嚴。 châu tấp vi nhiều, tứ bảo trang nghiêm bao quanh khắp cả, trang nghiêm bằng bốn chất liệu quí báu: 金寶銀寶。吠琉璃寶。頗胝迦寶。妙飾間綺 。 kim bảo, ngân bảo, phê lưu ly bảo, pha chi ca bảo, diệu sức gian khi. vàng, bạc, lưu ly và pha lê, được trang sức tinh tế, xen kẽ.</p>
<p>故彼國名為極樂。 thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc. vì thế nên nước đó tên là Cực Lạc.</p>	<p>舍利子。 Xá lợi tử Này Xá lợi tử, 彼佛土中。有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴。 甚可愛樂 bỉ Phật độ trung hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, cõi Phật ấy có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, 是故名為極樂世界。 thị cố danh vi Cực lạc thế giới nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>又舍利弗。 Hựu Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất! 極樂國土。 Cực Lạc quốc độ, Lại trong cõi Cực Lạc 有七寶池。 hữu thất bảo trì, có ao bằng bảy chất báu,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử, 極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc, 處處皆有七妙寶池。 xứ xứ giai hữu thất diệu bảo trì, chỗ nào cũng có cái hồ bằng bảy chất liệu quý báu,</p>

<p>八功德水。 bát công đức thủy, trong ao đầy đầy</p> <p>充滿其中。 sung mãn kỳ trung, nước đủ tám công đức,</p>	<p>八功德水。 bát công đức thủy, trong đó đầy ắp</p> <p>彌滿其中。 di mãn kỳ trung. nước tám công đức.</p> <p>何等名為八功德水。一者澄淨。二者清冷。三者甘美。四者輕軟。五者潤澤。六者安和。七者。飲時。除飢渴等無量過患。八者。飲已。定能長養諸根四大。增益種種殊勝善根。多福眾生。常樂受用。</p> <p>Hà đẳng danh vi bát công đức thủy: Nhất giả trùg tịnh, nhị giả thanh lãnh, tam giả cam mỹ, tứ giả khinh nhuyễn, ngũ giả nhuậ trạch, lục giả an hòa, thất giả ẩm thời trừ cơ khát đặng vô lượng quá hoạn, bát giả ẩm dĩ định năng trường dưỡng chư căn tứ đại, tăng ích chủng chủng thù thắng thiện căn. Đa phước chúng sanh thường lạc thọ dụng.</p> <p>Vì sao gọi là nước tám công đức? Một là lóng sạch, hai là trong mát, ba là ngon ngọt, bốn là mềm nhẹ, năm là tươi nhuận, sáu là an hòa, bảy là uống vào trừ được đói, khát, nhẫn đến vô số tội lỗi, tám là uống vào chắc chắn trường dưỡng căn thân tứ đại và tăng ích các thứ thiện căn thù thắng. Chúng sanh nhiều phước đức thường thích thọ dụng nước ấy.</p>
<p>池底。 trì đề đáy ao</p> <p>純以金沙布地。 thuần dĩ kim sa bố địa. thuần dùng cát vàng trải làm đất.</p>	<p>是諸寶池。 Thị chư bảo trì, Đáy các hồ báu</p> <p>底布金沙。 để bố kim sa, rải toàn cát bằng vàng.</p>

<p>四邊階道。金。銀。琉璃。玻璃。合成。</p> <p>Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Vàng, bạc, lưu ly, pha lê hiệp thành những thềm, đường ở bốn bên ao;</p>	<p>四面周匝。有四階道。</p> <p>Tứ diện châu táp hữu tứ giai đạo Bốn phía bao quanh hồ đều có thềm cấp và lối đi,</p> <p>四寶莊嚴。</p> <p>Tứ bảo trang nghiêm trang sức bằng bốn chất liệu quý báu,</p> <p>甚可愛樂。</p> <p>thậm khả ái lạc thật đáng ưa thích.</p> <p>諸池周匝。有妙寶樹。間飾行列。香氣芬馥。七寶莊嚴。甚可愛樂。言七寶者。一金。二銀。三吠琉璃。四頗胝迦。五赤真珠。六阿濕摩揭拉婆寶。七牟娑落揭拉婆寶。</p> <p>Chư trì châu táp hữu diệu bảo thọ, gian sức hàng liệt hương khí phân phức, thất bảo trang nghiêm thậm khả ái lạc. Ngôn thất bảo giả: nhất kim, nhị ngân, tam phệ lưu ly, tứ pha chi ca, ngũ xích chân châu, lục a thấp ma yết lạc bà bảo, thất mâu sa lạc yết lạc bà bảo. Bao quanh các hồ có cây quý báu, xếp theo hàng lối, tỏa hương ngào ngạt, trang sức bằng bảy chất liệu quý báu, thật đáng ưa thích. Bảy chất liệu quý báu: một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha lê, năm là xích chân châu, sáu là mã não, bảy là xa cừ.</p>
<p>上有樓閣亦以金。銀。琉璃。玻璃。碑磬。赤珠。瑪瑙。而嚴飾之。</p> <p>Thượng hữu lâu các, diệc dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi. trên thềm đường có lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.</p>	
<p>池中蓮華。</p> <p>Trì trung liên hoa, Trong ao có hoa sen</p> <p>大如車輪。</p> <p>đại như xa luân: lớn như bánh xe:</p>	<p>是諸池中。常有種種雜色蓮華。</p> <p>Thị chư trì trung, thường hữu chủng chủng táp sắc liên hoa, Trong các hồ đó thường có các hoa sen đủ màu sắc,</p> <p>量如車輪。</p> <p>lượng như xa luân: lớn như bánh xe:</p>

<p>青色。青光。 thanh sắc thanh quang, hoa sắc xanh thời ánh sáng xanh,</p> <p>黃色。黃光。 huỳnh sắc huỳnh quang, sắc vàng thời ánh sáng vàng,</p> <p>赤色。赤光。 xích sắc xích quang, sắc đỏ thời ánh sáng đỏ,</p> <p>白色。白光。 bạch sắc bạch quang, sắc trắng thời ánh sáng trắng,</p>	<p>青形青顯青光青影。 Thanh hình thanh hiển thanh quang thanh ảnh, hoa sen xanh, hiển thị màu xanh, ánh ra sáng xanh, ảnh tượng xanh;</p> <p>黃形黃顯黃光黃影。 hoàng hình hoàng hiển hoàng quang hoàng ảnh, hoa sen vàng, hiển thị màu vàng, ánh ra sáng vàng, ảnh tượng vàng;</p> <p>赤形赤顯赤光赤影。 xích hình xích hiển xích quang xích ảnh, hoa sen đỏ, hiển thị màu đỏ, ánh ra sáng đỏ, ảnh tượng đỏ;</p> <p>白形白顯白光白影。 bạch hình bạch hiển bạch quang bạch ảnh. hoa sen trắng, hiển thị màu trắng, ánh ra sáng trắng, ảnh tượng trắng.</p> <p>四形四顯四光四影。 Tứ hình tứ hiển tứ quang tứ ảnh. Bốn loại hoa sen, hiển thị bốn màu, ánh ra bốn ánh sáng, có bốn ảnh tượng nơi tâm.</p>
<p>微妙香潔。 vi diệu hương khiết. màu nhiệm thơm tho trong sạch.</p>	
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>極樂國土。 Cực Lạc quốc độ Cõi nước Cực Lạc</p> <p>成就如是功德莊嚴。 thành tựu như thị công đức trang nghiêm. thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.</p>	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中。 bỉ Phật độ trung cõi Phật ấy</p> <p>有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可愛樂。是 故名為極樂世界。 hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới.</p>

	<p>có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>又舍利弗。 Hựu Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>彼佛國土。 Bỉ Phật quốc độ, Lại trong cõi nước của đức Phật đó,</p> <p>常作天樂。 thường tác thiên nhạc, thường trỗi nhạc trời,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung, trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>自然常有無量無邊眾妙伎樂。 tự nhiên thường hữu vô lượng vô biên chúng diệu kỹ nhạc, tự nhiên thường có vô lượng vô biên kỹ nhạc tuyệt diệu,</p> <p>音曲和雅甚可愛樂。諸有情類聞斯妙音。諸 惡煩惱悉皆消滅。無量善法漸次增長。速證 無上正等菩提。 âm khúc hòa nhã thậm khả ái lạc. Chư hữu tình loại văn tư diệu Âm, chư ác phiền não tất giai tiêu diệt, vô lượng thiện pháp tiệm thứ tăng trưởng, tốc chứng vô thượng chánh đẳng bồ đề. âm khúc hòa nhã, thật đáng ưa thích. Các loài hữu tình nghe được âm thanh tuyệt diệu ấy thì tất cả ác phiền não đều tiêu diệt, vô lượng thiện pháp lần lượt tăng trưởng, mau chứng Vô thượng chánh đẳng bồ đề.</p> <p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中。 bỉ Phật độ trung cõi Phật ấy</p> <p>有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可愛樂。是 故名為極樂世界。 hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế</p>

	<p>giới. có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>黃金為地。 huỳnh kim vi địa, đất bằng vàng ròng,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung, trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>周遍大地真金合成。其觸柔軟香潔光明。無量無邊妙寶間飾。 châu biển đại địa chân kim hợp thành, kỳ xúc nhu nhuyễn hương khiết quang minh, vô lượng vô biên diệu bảo gian sức. khắp cả mặt đất cấu thành bằng vàng ròng, chạm vào thì mềm mại, thơm dịu, sáng chói, và trang sức xen kẽ bằng vô lượng vô biên chất liệu quý báu.</p> <p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中。 bỉ Phật độ trung cõi Phật ấy</p> <p>有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可愛樂。是故名為極樂世界。 hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử Này nữa Xá lợi tử,</p>

晝夜六時。

trú dạ lục thời,
ngày đêm sáu thời

雨天曼陀羅華。

vũ thiên Mạn Đà La hoa.
rưới hoa trời mạn đà la.

極樂世界淨佛土中。

Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung
trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,

晝夜六時。

trú dạ lục thời,
ngày đêm sáu buổi

常雨種種上妙天華。

thường vũ chủng chủng thượng diệu thiên hoa,
thường mưa xuống nhiều loại hoa trời thượng diệu.

光澤香潔細軟雜色。雖令見者身心適悅。而不貪著。增長有情無量無數不可思議殊勝功德。彼有情類晝夜六時。常持供養無量壽佛。

Quang trạch hương khiết tế nhuyễn tấp sắc, tuy lĩnh kiến giả thân tâm thích duyệt, nhi bất tham trước, tăng trưởng hữu tình vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức. Bì hữu tình loại trú dạ lục thời thường trì cúng dường Vô Lượng Thọ Phật.

Hoa trời tươi sáng, thơm dịu, mềm mại và màu sắc xen nhau. Người nhìn thấy hoa ấy có sự dễ chịu nơi thân và sự vui thích nơi tâm, nhưng không tham đắm. Hoa trời làm cho người thế giới Cực lạc tăng trưởng vô lượng vô số công đức thù thắng, không thể nghĩ bàn. Người thế giới Cực lạc, ngày đêm sáu buổi, thường đem hoa trời hiến cúng đức Phật Vô Lượng Thọ.

其土眾生。

Kỳ độ chúng sanh,
Chúng sanh trong cõi đó

常以清旦。

thường dĩ thanh đán,
thường vào lúc sáng sớm,

各以衣械。

các dĩ y kích,
đều lấy dây hoa

每晨朝時

Mỗi thân triều thời,
Vào mỗi sáng sớm,

盛眾妙華。

thành chúng diệu hoa,
đựng những hoa tốt

供養他方十萬億佛。

cúng dường tha phương thập vạn ức Phật,
đem cúng dường mười muôn ức đức Phật ở phương khác,

即以食時。還到本國。飯食經行。

tức dĩ thực thời, hoàn đáo bản quốc, phạn thực kinh hành.
đến giờ ăn liền trở về bản quốc ăn cơm xong đi kinh hành.

舍利弗。

Xá Lợi Phất,
Xá Lợi Phất!

極樂國土。

Cực Lạc quốc độ
Cõi nước Cực Lạc

成就如是功德莊嚴。

thành tựu như thị công đức trang nghiêm,
thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

持此天華。

trì thủ thiên hoa,
người thế giới ấy mang hoa trời,

於一食頃。

Ư nhất thực khoảnh,
trong khoảng bữa ăn,

飛至他方無量世界。供養百千俱胝諸佛。於諸佛所。各以百千俱胝樹花。持散供養。

phi chí tha phương vô lượng thế giới, cúng dường bách thiên câu chi, ư chư Phật sở, các dĩ bách thiên câu chi thọ hoa, trì tán cúng dường.
bay đến vô lượng thế giới ở phương khác, hiến cúng trăm ngàn câu chi chư Phật. Nơi chỗ chư Phật, dùng trăm ngàn câu chi hoa trời mà tung rải trên mỗi đức Phật để hiến cúng,

還至本處。遊天住等。

hoàn chí bản xứ, du thiên trú đẳng.
rời trở về thế giới của mình, nghỉ trưa.

舍利子。

Xá lợi tử,
Này Xá lợi tử,

彼佛土中。

bỉ Phật độ trung
cõi Phật ấy

有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可愛樂。是故名為極樂世界。

hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới.
có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

<p>復次舍利弗。 Phục thứ Xá Lợi Phát, Lại nữa, Xá Lợi Phát!</p> <p>彼國 Bỉ quốc Cõi đó</p> <p>常有種種奇妙雜色之鳥。 thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc chi điều: thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>常有種種奇妙可愛雜色眾鳥。 thường hữu chủng chủng kì diệu khả ái tạp sắc chúng điều. thường có các loại chim đẹp lạ, đáng yêu, màu sắc xen nhau,</p>
<p>白鶴。 Bạch Hạc, nào chim Bạch hạc,</p> <p>孔雀。 Khổng Tước, Khổng Tước,</p> <p>鸚鵡。 Anh Vũ, Anh Vũ,</p> <p>舍利。 Xá Lợi, Xá Lợi,</p> <p>迦陵頻伽。 Ca Lăng Tần Già, Ca Lăng Tần Già,</p> <p>共命之鳥。 Cộng Mạng chi điều. Cộng Mạng;</p>	<p>所謂鵝。鴈。鷺鷥。鴻。鶴。 Sở vị nga, nhạn, thu lộ, hồng hạc, như là: ngỗng, nhạn, thu lộ, hồng hạc,</p> <p>孔雀。 khổng tước khổng tước,</p> <p>鸚鵡。 anh vũ anh vũ,</p> <p>羯羅頻伽。 yết la tần ca yết la tần ca</p> <p>命命鳥等。 mạng mạng điều đẳng. mạng mạng</p>
<p>是諸眾鳥。 thị chư chúng điều, những giống chim đó</p> <p>晝夜六時。</p>	<p>如是眾鳥。 Như thị chúng điều Những loại chim như vậy,</p> <p>晝夜六時恒共集會。</p>

<p>trú dạ lục thời, ngày đêm sáu thời</p> <p>出和雅音。 xuất hòa nhã âm, kêu tiếng hòa nhã.</p>	<p>trú dạ lục thời hằng cộng tập hội ngày đêm sáu buổi, thường tụ tập lại,</p> <p>出和雅聲。 xuất hòa nhã thanh hót ra âm thanh giao hòa và tuyệt nhã.</p>
<p>其音演暢 kỳ âm diễn xướng: Tiếng chim đó diễn nói những pháp như:</p>	<p>隨其類音。宣揚妙法。 Tùy kỳ loại âm, tuyên dương diệu pháp, Âm thanh của mỗi loại chim đều diễn đạt những giáo pháp tuyệt diệu,</p>
<p>五根。五力。 Ngũ Căn, Ngũ Lực, ngũ căn, ngũ lực,</p> <p>七菩提分。 Thất Bồ Đề Phần, thất bồ đề phần,</p> <p>八聖道分。 Bát Thánh Đạo Phần, bát thánh đạo phần</p> <p>如是等法。 như thị đẳng pháp. v.v...</p>	<p>所謂甚深念住正斷。 Sở vị thậm thâm niệm trụ chánh đoạn như là: bốn niệm trú, bốn chánh đoạn,</p> <p>神足根力。 thần túc căn lực bốn thần túc, năm căn, năm lực,</p> <p>覺 giác bảy giác chi,</p> <p>道支等。 đạo chi đẳng tám chánh đạo,</p> <p>無量妙法。 vô lượng diệu pháp. vô số giáo pháp tuyệt diệu sâu xa như vậy.</p>
<p>其土眾生。 Kỳ độ chúng sanh, Chúng sanh trong cõi đó</p> <p>聞是音已。 văn thị âm dĩ, nghe tiếng chim xong</p> <p>皆悉念佛。念法。念僧。 giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. thầy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.</p>	<p>彼土眾生 Bỉ độ chúng sanh Người thế giới Cực lạc</p> <p>聞是聲已。 văn thị thanh dĩ nghe âm thanh ấy,</p> <p>各得念佛念法念僧。 các đắc niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, ai cũng nhớ nghĩ về Phật, nhớ nghĩ về Pháp, nhớ nghĩ</p>

	<p>về Tăng,</p> <p>無量功德熏修其身。 vô lượng công đức huân tu kỳ thân. có được vô lượng công đức huân tu thân mình.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phát Xá Lợi Phát!</p> <p>汝勿謂此鳥。 Nhữ vật vị thử điều, Ông chớ cho rằng những giống chim đó</p> <p>實是罪報所生。 thật thị tội báo sở sanh. thiệt là do tội báo sanh ra.</p>	<p>汝舍利子。 Nhữ Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>於意云何。 Ư ý vân hà, ông nghĩ thế nào,</p> <p>彼土眾鳥。豈是傍生惡趣攝耶。勿作是見。 bỉ độ chúng điều, khởi thị bàng sanh ác thú nhiếp da? Vật tác thị kiến. các loại chim ở thế giới Cực lạc có phải là bàng sanh thuộc nẻo dữ không? Ông đừng nghĩ như thế.</p>
<p>所以者何。 Sở dĩ giả hà? Vì sao?</p> <p>彼佛國土。 Bỉ Phật quốc độ, Vì cõi của đức Phật đó</p> <p>無三惡道。 vô tam ác đạo. không có ba đường dữ.</p>	<p>所以者何。 Sở dĩ giả hà? Vì sao?</p> <p>彼佛淨土 Bỉ Phật tịnh độ Vì tịnh độ của Phật</p> <p>無三惡道。 vô tam ác đạo thì không có ba nẻo đường dữ,</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phát Xá Lợi Phát!</p> <p>其佛國土。 Kỳ Phật quốc độ, Cõi của đức Phật đó</p>	

<p>尚無惡道之名。 thường vô ác đạo chi danh, tên đường dữ còn không có</p> <p>何況有實。 hà huống hữu thật, huống gì lại có sự thật.</p>	<p>尚不聞有三惡趣名。 Thượng bất văn hữu tam ác thú danh, cũng không nghe cái tên ba nẻo đường dữ,</p> <p>何況有實罪業所招傍生眾鳥。 hà huống hữu thật tội nghiệp sở chiêu bàng sanh chúng điều. làm sao có thật các loại chim do tội nghiệp chiêu cảm vào bàng sanh.</p>
<p>是諸眾鳥。 thị chư chúng điều, Những giống chim đó</p> <p>皆是阿彌陀佛。 giai thị A Di Đà Phật, là do đức Phật A Di Đà</p> <p>欲令法音宣流。變化所作。 dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hoá sở tác. muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa làm ra đây thôi.</p>	<p>當知 Đương tri Nên biết,</p> <p>皆是無量壽佛 giai thị Vô Lượng Thọ Phật các loại chim này toàn do đức Phật Vô Lượng Thọ</p> <p>變化所作。令其宣暢無量法音。作諸有情利 益安樂。 biến hoá sở tác, linh kỳ tuyên xướng vô lượng pháp âm, tác chư hữu tình lợi ích an lạc. biến hiện ra để diễn đạt vô số âm thanh diệu pháp, làm cho người thế giới Cực lạc được lợi ích yên vui.</p>
	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中。 Bỉ Phật độ trung cõi Phật ấy</p> <p>有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可愛樂。是 故名為極樂世界。 hữu như thị đẳng chúng diệu khí sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế</p>

舍利弗。
Xá Lợi Phát
Xá Lợi Phát!

彼佛國土。
Bỉ Phật quốc độ,
Trong cõi nước của đức Phật đó,

微風吹動。
vi phong xuy động,
gió nhẹ thổi động

諸寶行樹。及寶羅網。
chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng,
các hàng cây báu và động màn lưới báu,

出微妙音。
xuất vi diệu âm,
làm vang ra tiếng vi diệu,

譬如百千種樂。
thí như bách thiên chủng nhạc,
thí như trăm nghìn thứ nhạc

同時俱作。
đồng thời câu tác.
đồng một lúc hòa chung.

giới Cực lạc.

又舍利子。
Hựu Xá lợi tử
Này nữa Xá lợi tử,

極樂世界淨佛土中。
Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung
trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,

常有妙風。
thường hữu diệu phong
thường có gió nhẹ

吹諸寶樹及寶羅網。
xuy chư bảo thọ cập bảo la võng,
thổi qua những hàng cây và lưới giăng quý báu,

出微妙音。
xuất vi diệu âm
phát ra âm thanh tuyệt diệu,

譬如百千俱胝天樂
thí như bách thiên câu chi thiên nhạc
tựa như trăm ngàn câu chi thiên nhạc

同時俱作。
đồng thời câu tác
đồng thời hòa tấu,

出微妙聲。甚可愛玩。
xuất vi diệu thanh thậm khả ái ngoạn
vang ra âm thanh tuyệt diệu, thật đáng ưa thích
thường thức.

如是彼土。常有妙風吹眾寶樹。及寶羅網。
擊出種種微妙音聲。說種種法。
Như thị bỉ độ thường hữu diệu phong, xuy chúng bảo
thọ cập bảo la võng, kích xuất chủng chủng vi diệu âm
thanh, thuyết chủng chủng pháp.
Cõi Phật ấy như vậy, thường có gió nhẹ thổi qua
những hàng cây và lưới giăng quý báu, phát ra âm

	<p>thanh tuyệt diệu, nói các giáo pháp.</p>
<p>聞是音者。 Văn thị âm giả, Người nào nghe tiếng đó</p> <p>自然皆生念佛。念法。念僧之心。 tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm. tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.</p>	<p>彼土眾生聞是聲已。 Bỉ độ chúng sanh văn thị thanh dĩ, Người thế giới Cực lạc nghe âm thanh ấy</p> <p>起佛法僧念 khởi Phật Pháp Tăng niệm, thì sanh khởi nhớ nghĩ về Phật, nhớ nghĩ về Pháp, nhớ nghĩ về Tăng,</p> <p>作意等無量功德。 tác ý đẳng vô lượng công đức. là những tác ý có được vô lượng công đức.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>其佛國土成就如是功德莊嚴。 Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Cõi nước của đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.</p>	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中有如是等眾妙綺飾。功德莊嚴甚可 愛樂。是故名為極樂世界。 Bỉ Phật độ trung hữu như thị đẳng chúng diệu khi sức, công đức trang nghiêm thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. cõi Phật ấy có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p> <p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。 Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung, trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>有如是等無量無邊不可思議甚希有事。假使</p>

	<p>經於百千俱胝那庾多劫。以其無量百千俱胝那庾多舌。</p> <p>Hữu như thị đấng vô lượng vô biên bất khả tư nghị thậm hi hữu sự, giả sử kinh u bách thiên câu chi na dữu đa kiếp, dĩ kỳ vô lượng bách thiên câu chi na dữu đa thiết,</p> <p>có vô lượng vô biên sự không thể nghĩ bàn, sự rất hiếm có, đại loại như thế. Giả sử trải qua thời gian trăm ngàn câu chi na dữu đa kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn câu chi na dữu đa cái lưỡi,</p> <p>一一舌上出無量聲。讚其功德。亦不能盡。</p> <p>是故名為極樂世界。</p> <p>Nhất nhất thiết thượng xuất vô lượng thanh, tán kỳ công đức diệc bất năng tận, thị cố danh vi Cực lạc thế giới.</p> <p>và mỗi cái lưỡi thốt ra vô lượng âm thanh, tán dương công đức của cõi Phật ấy, cũng không thể tán dương hết được, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>舍利弗。</p> <p>Xá Lợi Phát</p> <p>Xá Lợi Phát!</p> <p>於汝意云何。</p> <p>Ư nhữ ý vân hà?</p> <p>Nơi ý ông nghĩ sao?</p> <p>彼佛何故號阿彌陀。</p> <p>Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà?</p> <p>Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?</p>	<p>又舍利子。</p> <p>Hựu Xá lợi tử,</p> <p>Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>極樂世界淨佛土中。</p> <p>Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung</p> <p>trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>佛有何緣名無量壽。</p> <p>Phật hữu hà duyên danh Vô Lượng Thọ?</p> <p>do duyên gì đức Phật ấy có danh hiệu là Vô Lượng Thọ?</p>

舍利弗。
Xá Lợi Phát
Xá Lợi Phát!

彼佛
Bỉ Phật
Đức Phật đó,

光明無量。照十方國。無所障礙。
quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở
chướng ngại,
hào quang sáng chói vô lượng, soi suốt các cõi nước
trong mười phương không bị chướng ngại

是故號為阿彌陀。
thị cố hiệu vi A Di Đà.
vì thế nên hiệu là A Di Đà.

又舍利弗。
Hựu Xá Lợi Phát
Xá Lợi Phát!

彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。
Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a
tăng kỳ kiếp,
Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng

舍利子。
Xá lợi tử,
Này Xá lợi tử,

由彼如來。及諸有情。
Do bỉ Như Lai cập chư hữu tình
do đức Như lai ấy và người ở tịnh độ của ngài

壽命無量無數大劫。
thọ mạng vô lượng vô số đại kiếp
có thọ mạng đến vô lượng vô số đại kiếp.

由是緣故。
Do thị duyên cố,
Do duyên này,

彼土如來名無量壽。
bỉ độ Như Lai danh Vô Lượng Thọ.
đức Như lai ở cõi ấy có danh hiệu là Vô Lượng Thọ.

舍利子。無量壽佛證得阿耨多羅三藐三菩提
已來。經十大劫。
Xá lợi tử, Vô Lượng Thọ Phật chứng đắc a nậu đa la
tam miệu tam bồ đề dĩ lai, kinh thập đại kiếp.
Này Xá lợi tử, đức Phật Vô Lượng Thọ chứng được
Vô thượng chánh đẳng chánh giác đến nay đã mười
đại kiếp.

舍利子。
Xá lợi tử,
Này Xá lợi tử,

何緣彼佛名無量光。
Hà duyên bỉ Phật danh Vô Lượng Quang
do duyên gì đức Phật ấy có danh hiệu là Vô Lượng
Quang?

舍利子。由彼如來恒放無量無邊妙光。遍照
一切十方佛土。施作佛事無有障礙。
Xá lợi tử, do bỉ Như Lai hằng phóng vô lượng vô biên
diệu quang, biến chiếu nhất thiết thập phương Phật độ,

<p>vô biên a tăng kỳ kiếp,</p> <p>故名阿彌陀。 cố danh A Di Đà. nên hiệu là A Di Đà.</p>	<p>thí tác Phật sự vô hữu chướng ngại. Này Xá lợi tử, do đức Như lai ấy thường phóng vô lượng vô biên ánh sáng kỳ diệu, chiếu soi khắp cả cõi Phật mười phương, thực hiện Phật sự không có chướng ngại.</p> <p>由是緣故。 Do thị duyên cố, Do duyên này,</p> <p>彼土如來名無量光。 bỉ độ Như Lai danh Vô Lượng Quang. đức Như lai ở cõi ấy có danh hiệu là Vô Lượng Quang.</p>
<p>舍利弗。阿彌陀佛。成佛已來。於今十劫。 Xá Lợi Phất, A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà thành Phật nhãn nại đến nay, đã được mười kiếp.</p>	
	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>彼佛淨土。 Bỉ Phật tịnh độ cõi Phật ấy</p> <p>成就如是功德莊嚴。甚可愛樂。是故名為極樂世界。 thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>

又舍利弗。

Hữu Xá Lợi Phất
Xá Lợi Phất!

彼佛有無量無邊聲聞弟子。

Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử,
Lại đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử

皆阿羅漢。

giai A La Hán,
đều là bậc A La Hán,

非是算數之所能知。

phi thị toán số, chi sở năng tri,
chẳng phải tính đếm mà có thể biết được,

又舍利子。

Hữu Xá lợi tử
Này nữa Xá lợi tử,

極樂世界淨佛土中。

Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung
trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,

無量壽佛常有無量聲聞弟子。

Vô Lượng Thọ Phật thường hữu vô lượng thanh văn
đệ tử, đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng đệ
tử thanh văn,

一切皆是大阿羅漢。

Nhất thiết giai thị đại A la hán,
tất cả đều là bậc đại A la hán,

具足種種微妙功德。

Cụ túc chủng chủng vi diệu công đức,
đầy đủ các thứ công đức vi diệu,

其量無邊不可稱數。

kỳ lượng vô biên bất khả xưng số
số ấy vô biên không thể tính kê.

舍利子。

Xá lợi tử,
Này Xá lợi tử,

彼佛淨土。

Bỉ Phật tịnh độ
cõi Phật ấy

成就如是功德莊嚴。甚可愛樂。是故名為極
樂世界。

thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái
lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới.

có các sự trang hoàng mâu nhiệm, công đức trang
nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế
giới Cực lạc.

諸菩薩眾。
chư Bồ Tát chúng
hàng Bồ tát chúng

亦復如是。
diệc phục như thị.
cũng đồng như thế.

舍利弗。
Xá Lợi Phất
Xá Lợi Phất!

彼佛國土。
Cực Lạc quốc độ
Cõi nước của đức Phật đó

成就如是功德莊嚴。
thành tựu như thị công đức trang nghiêm.
thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

又舍利子。
Hựu Xá lợi tử
Này nữa Xá lợi tử,

極樂世界淨佛土中。
Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung
trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc

無量壽佛常有無量菩薩弟子。
Vô Lượng Thọ Phật thường hữu vô lượng bồ tát đệ tử
đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng đệ tử bồ
tát,

一切皆是一生所繫。
nhất thiết giai thị nhất sanh sở hệ,
tất cả đều là những bậc Nhất sanh sở hệ,

具足種種微妙功德。
cụ túc chủng chủng vi diệu công đức,
đầy đủ các thứ công đức vi diệu,

其量無邊不可稱數。假使經於無數量劫。讚
其功德終不能盡。

Kỳ lượng vô biên bất khả xưng số. Giả sử kinh ư vô
số lượng kiếp, tán kỳ công đức chung bất năng tận.
số ấy vô biên không thể tính kể. Giả sử trải qua thời
gian vô số lượng kiếp, tán dương công đức của chư vị,
cũng không thể tán dương hết được.

舍利子。
Xá lợi tử,
Này Xá lợi tử,

彼佛土中。
Bì Phật độ trung
cõi Phật ấy

成就如是功德莊嚴。
thành tựu như thị công đức trang nghiêm, có các sự
trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như
vậy,

又舍利弗。

Hữu Xá Lợi Phất,
Xá Lợi Phất!

極樂國土。眾生者。

Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh già,
Lại trong cõi cực lạc, những chúng sanh vãng sanh vào đó

皆是阿鞞跋致。

giai thị a bệ bạt trí.
đều là bậc bất thối chuyển.

其中多有一生補處。

Kỳ trung đa hữu, nhất sanh bổ xứ,
Trong đó có rất nhiều vị bậc nhất sanh bổ xứ,

其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết.
số đó rất đông, chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ để nói thôi!

甚可愛樂。是故名為極樂世界。

thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

又舍利子。

Hữu Xá lợi tử,
Này nữa Xá lợi tử,

若諸有情生彼土者。

nhược chư hữu tình sanh bỉ độ giả
các hữu tình sanh về cõi ấy

皆不退轉。

giai bất thối chuyển,
thì đều ở địa vị Không còn thối chuyển:

必不復墮諸險惡趣。邊地下賤。蔑戾車中。

常遊諸佛清淨國土。殊勝行願。念念增進。

tất bất phục đọa chư hiểm ác thú biên địa hạ tiện miệt lệ xa trung, thường du thanh tịnh quốc thổ, thù thắng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến, chắc chắn không còn sa vào các nẻo đường dữ, các xứ biên địa man dã; thường du hành qua các quốc độ thanh tịnh của chư Phật; hạnh nguyện thù thắng tăng tiến trong từng ý nghĩ;

決定當證阿耨多羅三藐三菩提。

quyết định đương chứng a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

quyết định sẽ chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

	<p>舍利子。 Xá lợi tử, Này xá lợi tử,</p> <p>彼佛土中。 bỉ Phật độ trung cõi Phật ấy</p> <p>成就如是功德莊嚴。甚可愛樂。是故名為極樂世界。</p> <p>thành tựu như thị công đức trang nghiêm, thậm khả ái lạc, thị cố danh vi Cực lạc thế giới. có các sự trang hoàng màu nhiệm, công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>眾生聞者。 chúng sanh văn giả, Chúng sanh nào nghe những điều trên đây,</p> <p>應當發願。 ưng đương phát nguyện, nên phải phát nguyện</p> <p>願生彼國。 nguyện sanh bỉ quốc. cầu sanh về nước đó.</p>	<p>又舍利子。 Hựu xá lợi tử, Này nữa xá lợi tử,</p> <p>若諸有情。聞彼西方無量壽佛清淨佛土。 Nhược chư hữu tình văn bỉ Tây phương Vô Lượng Thọ Phật thanh tịnh Phật độ, các hữu tình nghe cõi Phật thanh tịnh của đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây,</p> <p>無量功德眾所莊嚴。 vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm. trang nghiêm bằng vô lượng công đức,</p> <p>皆應發願 giai ưng phát nguyện hãy nên phát nguyện</p> <p>生彼佛土。 sanh bỉ Phật độ sanh về cõi Phật ấy.</p>
<p>所以者何。 Sở dĩ giả hà? Vì sao?</p>	<p>所以者何。 Sở dĩ giả hà Vì sao?</p>

<p>得與如是諸上善人俱會一處。</p> <p>Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ. Vì đặng cùng với các bậc Thượng thiện hơn như thế câu hội một chỗ.</p>	<p>若生彼土。 nhược sanh bỉ độ, Vì ai sanh cõi ấy</p> <p>得與如是無量功德眾所莊嚴諸大士等同一集會。</p> <p>đắc dữ như thị vô lượng công đức chúng sở trang nghiêm, chư đại sĩ đẳng đồng nhất tập hội. sẽ đượ cùng chung sống một chỗ với các bậc đại sĩ, trang nghiêm bằng vô lượng công đức như vậy;</p> <p>受用如是無量功德眾所莊嚴清淨佛土大乘法樂。</p> <p>thọ dụng như thị vô lượng công đức, chúng sở trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, đại thừa pháp lạc, thọ dụng cõi Phật thanh tịnh và pháp lạc đại thừa, trang nghiêm bằng vô lượng công đức như vậy,</p> <p>常無退轉。 thường vô thối chuyển vĩnh viễn không thoái chuyển,</p> <p>無量行願念念增進。</p> <p>vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng tiến, vô lượng hạnh nguyện tăng tiến trong từng ý nghĩ,</p> <p>速證無上正等菩提故。</p> <p>tốc chứng vô thượng chánh đẳng bồ đề cố. mau chứng Vô thượng chánh đẳng bồ đề.</p>
<p>舍利弗。</p> <p>Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>不可以少善根福德因緣。</p> <p>Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên,</p>	<p>舍利子。</p> <p>Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p> <p>生彼佛土諸有情類。成就無量無邊功德。</p> <p>sinh bỉ Phật độ chư hữu tình loại, thành tựu vô lượng vô biên công đức, các hữu tình sanh cõi Phật ấy đã thành tựu vô lượng vô biên công đức.</p> <p>非少善根諸有情類。</p> <p>Phi thiểu thiện căn chư hữu tình loại</p>

<p>Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhỏ duyên</p> <p>得生彼國。 đắc sanh bỉ quốc. mà được sanh về cõi đó.</p>	<p>Chẳng phải các hữu tình có chút thiện căn</p> <p>當得往生無量壽佛極樂世界清淨佛土。 đương đắc vãng sanh Vô lượng thọ Phật Cực lạc thế giới thanh tịnh Phật độ. sẽ được sanh cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>若有善男子。善女人。 Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>若有淨信諸善男子或善女人。 Nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào có đức tin thanh tịnh,</p>
<p>聞說阿彌陀佛。 văn thuyết A Di Đà Phật, nghe nói về đức Phật A Di Đà,</p>	<p>得聞如是無量壽佛無量無邊不可思議功德名號。 đắc văn như thị Vô Lượng Thọ Phật vô lượng vô biên bất khả tư nghị công đức danh hiệu, được nghe danh hiệu công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn của đức Phật Vô Lượng Thọ</p> <p>極樂世界功德莊嚴。 Cực lạc thế giới công đức trang nghiêm. và thế giới Cực lạc công đức trang nghiêm như vậy,</p>
<p>執持名號。 chấp trì danh hiệu: rồi chấp trì danh hiệu của đức Phật đó,</p>	<p>聞已思惟。 Văn dĩ tư duy nghe rồi tư duy:</p>

<p>若一日。 nhuộc nhất nhật, hoặc trong một ngày,</p> <p>若二日。 nhuộc nhị nhật, hoặc hai ngày,</p> <p>若三日。 nhuộc tam nhật, hoặc ba ngày,</p> <p>若四日。 nhuộc tứ nhật, hoặc bốn ngày,</p> <p>若五日。 nhuộc ngũ nhật, hoặc năm ngày,</p> <p>若六日。 nhuộc lục nhật, hoặc sáu ngày,</p> <p>若七日。 nhuộc thất nhật, hoặc bảy ngày,</p> <p>一心不亂。 nhất tâm bất loạn. một lòng không tạp loạn.</p>	<p>若一日夜。 Nhuộc nhất nhật dạ, hoặc một ngày đêm,</p> <p>或二 hoặc nhị hoặc hai,</p> <p>或三。 hoặc tam hoặc ba,</p> <p>或四 hoặc tứ hoặc bốn,</p> <p>或五。 hoặc ngũ hoặc năm,</p> <p>或六 hoặc lục hoặc sáu,</p> <p>或七。 hoặc thất hoặc bảy ngày đêm,</p> <p>繫念不亂。 hệ niệm bất loạn buộc sự nhớ nghĩ không cho tán loạn,</p>
<p>其人 Kỳ nhân Thời người đó</p> <p>臨命終時。 lâm mạng chung thời, đến lúc lâm chung</p>	<p>是善男子或善女人。 tị thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân thì thiện nam tử hay thiện nữ nhân đó</p> <p>臨命終時。 lâm mạng chung thời lúc sắp chết,</p>

<p>阿彌陀佛。 A Di Đà Phật đức Phật A Di Đà</p> <p>與諸聖眾。 dữ chư Thánh chúng, cùng hàng Thánh Chúng</p> <p>現在其前。 hiện tại kỳ tiền. hiện thân ở trước người đó.</p>	<p>無量壽佛 Vô Lượng Thọ Phật đức Phật Vô Lượng Thọ</p> <p>與其無量聲聞弟子菩薩眾俱。 dữ kỳ vô lượng thanh văn đệ tử bồ tát chúng câu, cùng vô lượng thánh chúng đệ tử thanh văn, bồ tát của Ngài,</p> <p>前後圍繞來住其前。 tiền hậu vi nhiều lai trụ kỳ tiền, bao quanh trước sau, đứng trước người ấy,</p>
<p>是人終時。心不顛到。 Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, Người đó lúc chết tâm thần không điên đảo,</p>	<p>慈悲加祐令心不亂。 từ bi gia hữu lệnh tâm bất loạn từ bi gia hộ, làm cho người ấy tâm không thác loạn,</p>
<p>即得往生阿彌陀佛極樂佛土。 tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ. liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.</p>	<p>既捨命已隨佛眾會。 kỳ xả mạng dĩ tùy Phật chúng hội và chết rồi thì theo Ngài và thánh chúng</p> <p>生無量壽極樂世界清淨佛土。 sanh Vô Lượng Thọ Cực lạc thế giới thanh tịnh Phật độ. mà sanh cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất Xá Lợi Phất!</p> <p>我見是利。 Ngã kiến thị lợi, Ta thấy có sự lợi ích ấy</p> <p>故說此言。 cố thuyết thử ngôn. nên nói những lời như thế.</p> <p>若有眾生。 Nhược hữu chúng sanh, Nếu có chúng sinh nào,</p>	<p>又舍利子。 Hựu xá lợi tử, Này nữa xá lợi tử,</p> <p>我觀如是利益安樂大事因緣。 ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, Như lai thấy lý do trọng đại, lợi ích yên vui như vậy,</p> <p>說誠諦語。 thuyết thành đế ngữ, nên nói lời thành thật rằng:</p> <p>若有淨信諸善男子或善女人。 nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân, “Các thiện nam tử hay thiện nữ nhân có đức tin thanh</p>

<p>聞是說者。 văn thị thuyết giả, nghe những lời trên đó,</p> <p>應當發願。 ung đương phát nguyện, nên phải phát nguyện</p> <p>生彼國土。 sinh bỉ quốc độ. sinh về cõi nước Cực Lạc.</p>	<p>tịnh,</p> <p>得聞如是無量壽佛不可思議功德名號。極樂 世界淨佛土者。 đắc văn như thị Vô Lượng Thọ Phật bất khả tư nghị công đức danh hiệu, Cực lạc thế giới, tịnh Phật độ giả, được nghe danh hiệu công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn của đức Phật Vô Lượng Thọ và cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc,</p> <p>一切皆應信受發願。 nhất thiết giai ứng tín thọ phát nguyện, thì hết thảy nên tin tưởng, tiếp nhận, phát nguyện,</p> <p>如說修行 như thuyết tu hành tu hành đúng như kinh này dạy,</p> <p>生彼佛土。 sinh bỉ Phật độ. nguyện sanh cõi Phật ấy.”</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>如我今者。 Như ngã kim giả, Như Ta hôm nay</p> <p>讚歎阿彌陀佛。 tán thán A Di Đà Phật ngợi khen công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn</p> <p>不可思議功德之利。 bất khả tư nghị công đức chi lợi. của đức Phật A Di Đà,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如我今者 Như ngã kim giả như hiện thời Như lai</p> <p>稱揚讚歎無量壽佛 xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật xưng dương tán thán công đức Phật độ vô lượng vô biên,</p> <p>無量無邊不可思議佛土功德。 vô lượng vô biên bất khả tư nghị Phật độ công đức. không thể nghĩ bàn của đức Phật Vô Lượng Thọ;</p>

東方

Đông phương
phương Đông

亦有阿閼鞞佛。

diệc hữu A Súc Bệ Phật,
cũng có đức A Súc Bệ Phật,

須彌相佛。

Tu Di Tướng Phật,
Tu Di Tướng Phật,

大須彌佛。

Đại Tu Di Phật,
Đại Tu Di Phật,

須彌光佛。

Tu Di Quang Phật,
Tu Di Quang Phật,

妙音佛。

Diệu Âm Phật,
Diệu Âm Phật;

如是等恒河沙數諸佛。

như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,
hằng hà sa số những đức Phật như thế

各於其國。

các ư kỳ quốc,
đều ở tại nước mình,

出廣長舌相。

xuất quảng trường thiết tướng
hiện ra tướng lưỡi rộng dài

遍覆三千大千世界。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,
trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên

如是東方。

Như thị Đông phương,
như vậy ở phương Đông,

亦有現在不動如來。

diệc hữu hiện tại Bất Động Như Lai,
hiện tại cũng có đức Như lai Bất Động,

山幢如來。

Sơn Tràng Như Lai,
đức Như lai Sơn Tràng,

大山如來。

Đại Sơn Như Lai,
đức Như lai Đại Sơn,

山光如來。

Sơn Quang Như Lai,
đức Như lai Sơn Quang,

妙幢如來。

Diệu Tràng Như Lai,
đức Như lai Diệu Tràng,

如是等佛。如殑伽沙。

Như thị đẳng Phật, như cãng dà sa
cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,

住在東方自佛淨土。

trụ tại Đông phương tự Phật tịnh độ
trú ở phương Đông, nơi tịnh độ của mình,

各各示現廣長舌相。

các các thị hiện quảng trường thiết tướng
mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界。周匝圍繞。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi nhiều
trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp
cả,

<p>說誠實言。 thuyết thành thật ngôn: mà nói lời thành thật rằng:</p> <p>汝等眾生。 Nhữ đẳng chúng sanh "Chúng sanh các người</p> <p>當信是稱讚不可思議功德 đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức phải nên tin kính: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức</p> <p>一切諸佛所護念經。 Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này".</p>	<p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p> <p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình "Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho."</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>南方世界。 Nam phương thế giới Thế giới phương Nam</p> <p>有日月燈佛。 hữu Nhật Nguyệt Đẳng Phật, có đức Nhật Nguyệt Đẳng Phật,</p> <p>名閻光佛。 Danh Văn Quang Phật, Danh Văn Quang Phật,</p> <p>大燄肩佛。 Đại Diệm Kiên Phật, Đại Diệm Kiên Phật,</p> <p>須彌燈佛。 Tu Di Đẳng Phật, Tu Di Đẳng Phật,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如是南方 Như thị Nam phương như vậy ở phương Nam,</p> <p>亦有現在日月光如來。 diệc hữu hiện tại Nhật Nguyệt Quang Như Lai, hiện tại cũng có đức Như lai Nhật Nguyệt Quang,</p> <p>名稱光如來。 Danh Xưng Quang Như Lai, đức Như lai Danh Xưng Quang,</p> <p>大光蘊如來。 Đại Quang Uẩn Như Lai, đức Như lai Đại Quang Uẩn,</p> <p>迷盧光如來。 Mê Lô Quang Như Lai, đức Như lai Mê Lô Quang,</p>

<p>無量精進佛。 Vô Lượng Tinh Tấn Phật Vô Lượng Tinh Tấn Phật;</p>	<p>無邊精進如來。 Vô Biên Tinh Tiến Như Lai, đức Như lai Vô Biên Tinh Tiến,</p>
<p>如是等恒河沙數諸佛。 như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, Hằng hà sa số những đức Phật như thế,</p> <p>各於其國。 các ư kỳ quốc, đều tại nước mình,</p> <p>出廣長舌相。 xuất quảng trường thiết tướng, hiện ra tướng lưỡi rộng dài</p> <p>遍覆三千大千世界。 biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, trùm khắp cõi tam thiên đại thiên</p> <p>說誠實言。 thuyết thành thật ngôn: mà nói lời thành thật rằng:</p>	<p>如是等佛。如殑伽沙。 Như thị đẳng Phật, như cãng dà sa cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,</p> <p>住在南方自佛淨土。 trụ tại Nam phương tự Phật tịnh độ trú ở phương Nam, nơi tịnh độ của mình,</p> <p>各各示現廣長舌相。 các các thị hiện quảng trường thiết tướng mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,</p> <p>遍覆三千大千世界。周匝圍繞。 biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp cả,</p> <p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p>
<p>汝等眾生。 Nhữ đẳng chúng sanh "Chúng sanh các người</p> <p>當信是稱讚不可思議功德 đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức phải nên tin kinh: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức</p> <p>一切諸佛所護念經。 Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh . Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này".</p>	<p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình "Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho."</p>

舍利弗。

Xá Lợi Phất,
Xá Lợi Phất!

西方世界。

Tây phương thế giới
Thế giới phương Tây,

有無量壽佛。

hữu Vô Lượng Thọ Phật,
có đức Vô Lượng Thọ Phật,

無量相佛。

Vô Lượng Tướng Phật,
Vô Lượng Tướng Phật,

無量幢佛。

Vô Lượng Tràng Phật,
Vô Lượng Tràng Phật,

大光佛。

Đại Quang Phật,
Đại Quang Phật,

大明佛。

Đại Minh Phật,
Đại Minh Phật,

寶相佛。

Bảo Tướng Phật,
Bảo Tướng Phật,

淨光佛。

Tịnh Quang Phật,

又舍利子。

Hựu xá lợi tử,
Này nữa xá lợi tử,

如是西方

Như thị Tây phương
như vậy ở phương Tây,

亦有現在無量壽如來。

diệc hữu hiện tại Vô Lượng Thọ Như Lai,
hiện tại cũng có đức Như lai Vô Lượng Thọ,

無量蘊如來。

Vô Lượng Uẩn Như Lai,
đức Như lai Vô Lượng Uẩn,

無量光如來。

Vô Lượng Quang Như Lai,
đức Như lai Vô Lượng Quang,

無量幢如來。

Vô Lượng Tràng Như Lai,
đức Như lai Vô Lượng Tràng,

大自在如來。

Đại Tự Tại Như Lai,
đức Như lai Đại Tự Tại,

大光如來。

Đại Quang Như Lai,
đức Như lai Đại Quang,

光焰如來。

Quang Diệm Như Lai,

Tịnh Quang Phật

如是等恒河沙數諸佛。

như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,
Hằng hà sa số những đức Phật như thế,

各於其國。

các ư kỳ quốc,
đều tại nước mình,

出廣長舌相。

xuất quảng trường thiết tướng,
hiện ra tướng lưỡi rộng dài

遍覆三千大千世界。

biển phủ tam thiên đại thiên thế giới,
trùm khắp cõi tam thiên đại thiên

說誠實言。

thuyết thành thật ngôn:
mà nói lời thành thật rằng:

汝等眾生。

Nhữ đẳng chúng sanh
"Chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德

đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
phải nên tin kính: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức

đức Như lai Quang Diệm,

大寶幢如來。

Đại Bảo Tràng Như Lai,
đức Như lai Đại Bảo Tràng,

放光如來。

Phóng Quang Như Lai,
đức Như lai Phóng Quang,

如是等佛。如殑伽沙。

như thị đẳng Phật như cãng dà sa
cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,

住在西方。自佛淨土各各

trụ tại Tây phương, tự Phật tịnh độ các các
trú ở phương Tây, nơi tịnh độ của mình,

示現廣長舌相。

thị hiện quảng trường thiết tướng
mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界。周匝圍繞。

biển phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi
nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh
khắp cả,

說誠諦言。

thuyết thành đế ngôn:
nói lời thành thật như vậy:

汝等有情。

Nhữ đẳng hữu tình
"Hữu tình các người

皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。

gì ai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật
độ công đức,
đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật
độ không thể nghĩ bàn,

<p>一切諸佛所護念經。 Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Đây".</p>	<p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho."</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>北方世界。 Bắc phương thế giới Thế giới phương Bắc,</p> <p>有燄肩佛。 hữu Diệm Kiên Phật, có đức Diệm Kiên Phật,</p> <p>最勝音佛。 Tối Thắng Âm Phật, Tối Thắng Âm Phật,</p> <p>難沮佛。 Nan Trử Phật, Nan Trử Phật,</p> <p>日生佛。 Nhật Sanh Phật, Nhật Sanh Phật,</p> <p>網明佛。 Võng Minh Phật, Võng Minh Phật,</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Đây nữa Xá lợi tử,</p> <p>如是北方 như thị Bắc phương như vậy ở phương Bắc,</p> <p>亦有現在無量光嚴通達覺慧如來。 diệc hữu hiện tại Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Như Lai, hiện tại cũng có đức Như lai Vô Lượng Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ,</p> <p>無量天鼓震大妙音如來。 Vô lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm Như Lai, đức Như lai Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm,</p> <p>大蘊如來。 Đại Uẩn Như Lai, đức Như lai Đại Uẩn,</p> <p>光網如來。 Quang Võng Như Lai, đức Như lai Quang Võng,</p> <p>娑羅帝王如來。 Sa La Đế Vương Như Lai,</p>

<p>如是等恒河沙數諸佛。 như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, Hằng hà sa số những đức Phật như thế,</p> <p>各於其國。 các ư kỳ quốc, đều tại nước mình,</p> <p>出廣長舌相。 xuất quảng trường thiết tướng, hiện ra tướng lưỡi rộng dài</p> <p>遍覆三千大千世界。 biên phủ tam thiên đại thiên thế giới, trùm khắp cõi tam thiên đại thiên</p> <p>說誠實言。 thuyết thành thật ngôn: mà nói lời thành thật rằng:</p> <p>汝等眾生。 Nhữ đẳng chúng sanh "Chúng sanh các người</p> <p>當信是稱讚不可思議功德 đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức phải nên tin kính: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức</p> <p>一切諸佛所護念經。 Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này".</p>	<p>đức Như lai Sa La Đề Vương, 如是等佛。如殞伽沙。 Như thị đẳng Phật như cãng dà sa cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,</p> <p>住在北方自佛淨土。 trú tại Bắc phương tự Phật tịnh độ trú ở phương Bắc, nơi tịnh độ của mình,</p> <p>各各示現廣長舌相。 các các thị hiện quảng trường thiết tướng mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,</p> <p>遍覆三千大千世界。周匝圍繞。 biên phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp cả,</p> <p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p> <p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình “Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Nay nữa Xá lợi tử,</p>

下方世界。

Hạ phương thế giới
Thế giới phương dưới,

有師子佛。

hữu Sư Tử Phật,
có đức Sư Tử Phật,

名聞佛。

Danh Văn Phật,
Danh Văn Phật,

名光佛。

Danh Quang Phật,
Danh Quang Phật,

達摩佛。

Đạt Ma Phật,
Đạt Mạ Phật,

法幢佛。

Pháp Tràng Phật,
Pháp Tràng Phật,

持法佛。

Trì Pháp Phật,
Trì Pháp Phật,

如是下方

như thị hạ phương
như vậy ở phương dưới,

亦有現在示現一切妙法正理常放火王勝德光明如來。

diệc hữu hiện tại Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh Như Lai,
hiện tại cũng có đức Như lai Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh,

師子如來。

Sư Tử Như Lai,
đức Như lai Sư Tử,

名稱如來。

Danh Xưng Như Lai,
đức Như lai Danh Xưng,

譽光如來。

Dự Quang Như Lai,
đức Như lai Dự Quang,

正法如來。

Chánh Pháp Như Lai,
đức Như lai Chánh Pháp,

妙法如來。

Diệu Pháp Như Lai,
đức Như lai Diệu Pháp,

法幢如來。

Pháp Tràng Như Lai,
đức Như lai Pháp Tràng,

功德友如來。

Công Đức Hữu Như Lai,
đức Như lai Công Đức Hữu,

如是等恒河沙數諸佛。

như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,
Hằng hà sa số những đức Phật như thế,

各於其國。

các ư kỳ quốc,
đều tại nước mình,

出廣長舌相。

xuất quảng trường thiệt tướng,
hiện ra tướng lưỡi rộng dài

遍覆三千大千世界。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,
trùm khắp cõi tam thiên đại thiên

說誠實言。

thuyết thành thật ngôn:
mà nói lời thành thật rằng:

汝等眾生。

Nhữ đẳng chúng sanh
"Chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德

đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
phải nên tin Kinh: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức

一切諸佛所護念經。

Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.
Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Đây".

功德號如來。

Công Đức Hiệu Như Lai,
đức Như lai Công Đức Hiệu,

如是等佛。如菟伽沙。

Như thị đẳng Phật, như cãng dà sa
cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,

住在下方自佛淨土。

trú tại hạ phương tự Phật tịnh độ
trú ở phương dưới, nơi tịnh độ của mình,

各各示現廣長舌相。

các các thị hiện quảng trường thiệt tướng
mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界。周匝圍繞。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi
nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh
khắp cả,

說誠諦言。

thuyết thành đế ngôn:
nói lời thành thật như vậy:

汝等有情。

Nhữ đẳng hữu tình
"Hữu tình các người

皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。

giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật
độ công đức,
đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật
độ không thể nghĩ bàn,

一切諸佛攝受法門。

nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.
hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho."

舍利弗。

Xá Lợi Phất,
Xá Lợi Phất!

上方世界。

Thượng phương thế giới
Thế giới phương trên,

有梵音佛。

hữu Phạm Âm Phật,
có đức Phạm Âm Phật,

宿王佛。

Tú Vương Phật,
Tú Vương Phật,

香上佛。

Hương Thượng Phật,
Hương Thượng Phật,

香光佛。

Hương Quang Phật,
Hương Quang Phật,

大燄肩佛。

Đại Diệm Kiên Phật,
Đại Diệm Kiên Phật,

雜色寶華嚴身佛。

Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật,
Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật,

娑羅樹王佛。

Ta La Thọ Vương Phật,
Ta La Thọ Vương Phật,

寶華德佛。

Bảo Hoa Đức Phật,
Bảo Hoa Đức Phật,

見一切義佛。

又舍利子。

Hựu Xá lợi tử,
Này nữa Xá lợi tử,

如是上方。

như thị thượng phương
như vậy ở phương trên,

亦有現在梵音如來。

điệc hữu hiện tại Phạm Âm Như Lai,
hiện tại cũng có đức Như lai Phạm Âm,

宿王如來。

Tú Vương Như Lai,
đức Như lai Tú Vương,

香光如來。

Hương Quang Như Lai,
đức Như lai Hương Quang,

如紅蓮華勝德如來。

Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai,
đức Như lai Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức,

示現一切義利如來。

Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật,
Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật,

如須彌山佛。

Như Tu Di Sơn Phật,
Như Tu Di Sơn Phật

如是等恒河沙數諸佛。

như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,
Hằng hà sa số những đức Phật như thế,

各於其國。

các ư kỳ quốc,
đều tại nước mình,

出廣長舌相。

xuất quảng trường thiết tướng,
hiện ra tướng lưỡi rộng dài

遍覆三千大千世界。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,
trùm khắp cõi tam thiên đại thiên

說誠實言。

thuyết thành thật ngôn:
mà nói lời thành thật rằng:

汝等眾生。

Nhữ đẳng chúng sanh
"Chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德

đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
phải nên tin Kinh: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức

一切諸佛所護念經。

Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh
Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Đây".

Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi Như Lai
đức Như lai Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi,

如是等佛。如菟伽沙。

Như thị đẳng Phật, như cãng dà sa
cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,

住在上方自佛淨土。

trú tại thượng phương tự Phật tịnh độ
trú ở phương trên, nơi tịnh độ của mình,

各各示現廣長舌相。

các các thị hiện quảng trường thiết tướng
mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界。周匝圍繞。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi
nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh
khắp cả,

說誠諦言。

thuyết thành đế ngôn:
nói lời thành thật như vậy:

汝等有情。

Nhữ đẳng hữu tình
"Hữu tình các người

皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。

giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật
độ công đức,
đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật
độ không thể nghĩ bàn,

一切諸佛攝受法門。

nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn.
hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho."

又舍利子。

Hựu Xá lợi tử,
Này nữa Xá lợi tử,

如是東南方。

như thị Đông Nam phương
như vậy ở phương Đông Nam,

亦有現在最上廣大雲雷音王如來。

diệc hữu hiện tại Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm
Vương Như Lai
hiện tại cũng có đức Như lai Tối Thượng Quảng Đại
Vân Lôi Âm Vương,

如是等佛。如殑伽沙。

như thị đẳng Phật, như cãng dà sa,
cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,

住東南方自佛淨土。

trú Đông Nam phương tự Phật tịnh độ,
trú ở phương Đông Nam, nơi tịnh độ của mình,

各各示現廣長舌相。

các các thị hiện quảng trường thiết tướng
mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界。周匝圍繞。

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi
nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh
khắp cả,

說誠諦言。

thuyết thành đế ngôn:
nói lời thành thật như vậy:

汝等有情。

Nhữ đẳng hữu tình
“Hữu tình các người

皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。

giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật
độ công đức,

	<p>đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p>
	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如是西南方。 như thị Tây Nam phương, như vậy ở phương Tây Nam,</p> <p>亦有現在最上日光名稱功德如來。 diệc hữu hiện tại Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Như Lai, hiện tại cũng có đức Như lai Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức,</p> <p>如是等佛。如殑伽沙。 như thị đẳng Phật, như cằng dà sa, cằng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,</p> <p>住西南方自佛淨土。 trú Tây Nam phương tự Phật tịnh độ, trú ở phương Tây Nam, nơi tịnh độ của mình,</p> <p>各各示現廣長舌相。 các các thị hiện quảng trường thiết tướng mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,</p> <p>遍覆三千大千世界。周匝圍繞。 biển phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp cả,</p> <p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p>

	<p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình “Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p>
	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如是西北方。 như thị Tây Bắc phương như vậy ở phương Tây Bắc,</p> <p>亦有現在無量功德火王光明如來。 diệc hữu hiện tại Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Như Lai hiện tại cũng có đức Như lai Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh,</p> <p>如是等佛。如殑伽沙。 như thị đẳng Phật như cãng dà sa cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,</p> <p>住西北方自佛淨土。 trú Tây Bắc phương tự Phật tịnh độ, trú ở phương Tây Bắc, nơi tịnh độ của mình,</p> <p>各各示現廣長舌相。 các các thị hiện quảng trường thiết tướng mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,</p> <p>遍覆三千大千世界。周匝圍繞。 biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi</p>

	<p>nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp cả,</p> <p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p> <p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình “Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xung tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p>
	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如是東北方。 như thị Đông Bắc phương như vậy ở phương Đông Bắc,</p> <p>亦有現在無數百千俱胝廣慧如來。 điệc hữu hiện tại vô số bách thiên câu chi Quảng Tuệ Như Lai, hiện tại cũng có vô số trăm ngàn câu chi đức Như lai Quảng Tuệ</p> <p>如是等佛。如殞伽沙。 như thị đẳng Phật như cãng dà sa, cãng già sa số các đức Như lai đại loại như vậy,</p> <p>住東北方自佛淨土。 trú Đông Bắc phương tự Phật tịnh độ, trú ở phương Đông Bắc, nơi tịnh độ của mình,</p>

	<p>各各示現廣長舌相。 các các thị hiện quảng trường thiết tướng mỗi vị thị hiện tướng lưỡi rộng dài,</p> <p>遍覆三千大千世界。周匝圍繞。 biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, châu tấp vi nhiều, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao quanh khắp cả,</p> <p>說誠諦言。 thuyết thành đế ngôn: nói lời thành thật như vậy:</p> <p>汝等有情。 Nhữ đẳng hữu tình “Hữu tình các người</p> <p>皆應信受如是稱讚不可思議佛土功德。 giai ưng tín thọ như thị Xưng tán bất khả tư nghị Phật độ công đức, đều nên tin nhận Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn,</p> <p>一切諸佛攝受法門。 nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>於汝意云何。 Ư như ý vân hà, Nơi ý của ông nghĩ thế nào,</p> <p>何故名為一切諸佛所護念經。 hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh vì sao tên là Kinh: Nhất-Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm?</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>何緣此經。 Hà duyên thử kinh vì lý do gì kinh này</p> <p>名為稱讚不可思議佛土功德。一切諸佛攝受</p>

	<p>法門。 Danh vi Xung tán bất khả tư nghị Phật độ công đức nhất thiết chư Phật nhiếp thọ pháp môn. tên là “Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn, hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho”?</p>
<p>舍利弗。 Xá lợi tử, Này Xá lợi tử,</p>	<p>由此經中。 do thử kinh trung, vì trong kinh này</p> <p>稱揚讚歎無量壽佛極樂世界不可思議佛土功德。及十方面諸佛世尊。為欲方便利益安樂諸有情故。各住本土。現大神變。說誠諦言。勸諸有情信受此法。是故此經。名為稱讚不可思議佛土功德。一切諸佛攝受法門。</p> <p>xung dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật Cực lạc thế giới bất khả tư nghị Phật độ công đức cập thập phương diện chư Phật Thế tôn, vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố, các trụ bản độ, hiện đại thần biến, thuyết thành đế ngôn, khuyến chư hữu tình tín thọ thử pháp, thị cố thử kinh, danh vi Xung tán bất khả tư nghị Phật độ công đức nhất thiết nhiếp thọ pháp môn.</p> <p>xung dương tán thán công đức Phật độ vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn là thế giới Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ, và lại được mười phương chư Phật Thế tôn vì nuỗn phương tiện cho các hữu tình được lợi ích yên vui, nên mỗi vị đều ở nơi quốc độ của mình, thị hiện đại thần biến, nói lời thành thật, khuyên các hữu tình tin nhận pháp môn này, vì vậy mà kinh này tên là “Pháp môn tán dương công đức Phật độ không thể nghĩ bàn, hết thầy chư Phật đều nhiếp thọ cho.”</p> <p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p>

舍利弗。
Xá Lợi Phát,
Xá Lợi Phát!

<p>若有善男子。善女人。 Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, Vì nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào</p> <p>聞是經受持者。 văn thị kinh thọ trì giả, nghe kinh này mà thọ trì đó,</p> <p>及聞諸佛名者。 cập văn chư Phật danh giả, và nghe danh hiệu của đức Phật,</p>	<p>若善男子或善女人。 nhược thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào</p> <p>或已得聞。或當得聞。或今得聞。聞是經已 深生信解。生信解已。 hoặc dĩ đắc văn, hoặc đương đắc văn, hoặc kim đắc văn, văn thị kinh dĩ thâm sanh tín giải, sanh tín giải dĩ hoặc đã nghe, hoặc sẽ nghe, hoặc đang nghe, nghe kinh này rồi tin hiểu sâu xa, tin hiểu rồi thì</p>
<p>是諸善男子。善女人。 thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, thời những thiện nam tử cùng thiện nữ nhân ấy</p> <p>皆為一切諸佛之所護念。 giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, đều được tất cả các đức Phật hộ niệm,</p> <p>皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。 giai đắc bất thoái chuyển, u a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề. đều được không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.</p>	<p>必為如是住十方面。十殞伽沙諸佛世尊之所 攝受。 tất vi như thị trú thập phương diện thập cang dà sa Thế tôn chi sở nhiếp thọ, chắc chắn được mười cang già sa chư Phật Thế Tôn trú trong mười phương nhiếp thọ cho,</p> <p>如說行者。 như thuyết hành giả, tu hành đúng như kinh này dạy,</p> <p>一切定於阿耨多羅三藐三菩提。得不退轉。 nhất thiết định u a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, đắc bất thoái chuyển nên ai cũng quyết chắc được sự không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác,</p> <p>一切定生無量壽佛極樂世界清淨佛土。 nhất thiết định sanh Vô Lượng Thọ Phật Cực lạc thế giới thanh tịnh Phật độ. ai cũng quyết chắc sanh cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.</p>

是故舍利弗。

Thị cố, Xá Lợi Phát,
Xá Lợi Phát! Cho nên

汝等

Nhữ đẳng
các ông

皆當信受我語。及諸佛所說。

giai đương, tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.
đều phải tin nhận lời của Ta và của các đức Phật nói.

是故舍利子。

Thị cố Xá lợi tử,
Thế nên, này Xá lợi tử,

汝等有情。

nhữ đẳng hữu tình,
hết thầy hữu tình các người

一切皆應信受領解。我及十方佛世尊語。

nhất thiết giai ứng tín thọ lĩnh giải ngã cập thập
phương Phật Thế Tôn ngữ,
đều nên tin tưởng, tiếp nhận và lý giải lời nói của Như
lai và của mười phương chư Phật Thế tôn,

當勤精進如說修行。勿生疑慮。

đương cần tinh tiến như thuyết tu hành, vật sanh nghi
lự. phải nỗ lực tinh tiến mà tu hành đúng như kinh này
dạy, chớ sanh hoài nghi, lo ngại.

舍利弗。

Xá Lợi Phát,
Xá Lợi Phát!

若有人

Nhược hữu nhân,
Nếu có người

已發願。

dĩ phát nguyện,
đã phát nguyện,

今發願。

kim phát nguyện,
hiện nay phát nguyện,

當發願。

đương phát nguyện,
sẽ phát nguyện

又舍利子。

Hựu Xá lợi tử,
Này nữa Xá lợi tử,

若善男子或善女人。

nhược thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân,
thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào

於無量壽極樂世界清淨佛土功德莊嚴。若已
發願。

ư Vô Lượng Thọ Cực lạc thế giới thanh tịnh Phật độ,
công đức trang nghiêm, nhược dĩ phát nguyện,
đối với công đức trang nghiêm của cõi Phật thanh tịnh
là thế giới Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ, hoặc
đã phát nguyện,

若當發願。

nhược đương phát nguyện,
hoặc sẽ phát nguyện,

若今發願。

nhược kim phát nguyện,
hoặc đang phát nguyện (nguyện sanh cõi Phật ấy),

欲生阿彌陀佛國者。

dục sanh A Di Đà Phật quốc giả,
muốn sanh về cõi nước của đức Phật A Di Đà,

是諸人等。

thị chư nhân đẳng,
thời những người ấy

皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

giai đắc bất thối chuyển ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ
Đề, đều đặn không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác;

必為如是住十方面十殞伽沙諸佛世尊之所攝
受。如說行者。

tất vi như thị trú thập phương diện thập cang dà sa
Thế tôn chi sở nhiếp thọ, như thuyết hành giả,
thì chắc chắn được mười cang già sa chư Phật Thế tôn
trú trong mười phương nhiếp thọ cho, tu hành đúng
như kinh này dạy,

一切定於阿耨多羅三藐三菩提。得不退轉。

nhất thiết định ư a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, đắc
bất thối chuyển
nên ai cũng quyết chắc được sự không thoái chuyển
đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

於彼國土。若已生。若今生。若當生。

ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược
đương sanh.

nơi cõi nước kia, hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay
sanh về, hoặc sẽ sanh về.

是故舍利弗。

Thị cố Xá Lợi Phát,
Xá Lợi Phát! Cho nên

諸善男子。善女人。

Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân,
các thiện nam tử thiện nữ nhân

一切定生無量壽佛極樂世界清淨佛土。

nhất thiết định sanh Vô Lượng Thọ Phật Cực lạc thế
giới thanh tịnh Phật độ.

ai cũng quyết chắc sanh cõi Phật thanh tịnh là thế giới
Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.

是故舍利子。

Thị cố Xá lợi tử
Thế nên, này Xá lợi tử,

若有淨信諸善男子或善女人。

nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử hoặc thiện nữ
nhân,
thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào có lòng tin thanh
tịnh,

一切皆應於無量壽極樂世界清淨佛土。

Nhất thiết giai ưng ư Vô Lượng Thọ Cực lạc thế giới
thanh tịnh Phật độ,
hết thảy đều nên đối với cõi Phật thanh tịnh là thế giới
Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ,

<p>若有信者。 nhược hữu tín giả, nếu người nào có lòng tin</p> <p>應當發願。生彼國土。 ung đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. thời phải nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.</p>	<p>深心信解。 thâm tâm tín giải, có sự tin hiểu sâu xa,</p> <p>發願往生。 phát nguyện vãng sanh, thì hãy phát nguyện vãng sanh,</p> <p>勿行放逸。 vật hành phóng dật. đừng sống phóng dật.</p>
<p>舍利弗。 Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất!</p> <p>如我今者。 Như ngã kim giả, Như Ta hôm nay</p> <p>稱讚諸佛不可思議功德。 xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của các đức Phật,</p> <p>彼諸佛等。 bỉ chư Phật đẳng, các đức Phật đó</p> <p>亦讚諸我不可思議功德。 diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức cũng ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta</p>	<p>又舍利子。 Hựu Xá lợi tử, Này nữa Xá lợi tử,</p> <p>如我今者。 như ngã kim giả như nay đây Như lai</p> <p>稱揚讚歎無量壽佛極樂世界不可思議佛土功德。 xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật Cực lạc thế giới bất khả tư nghị Phật độ công đức, tán dương công đức không thể nghĩ bàn của cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ,</p> <p>彼十方面諸佛世尊。 bỉ thập phương diện Thế tôn, chư Phật Thế Tôn ở mười phương</p> <p>亦稱讚我不可思議無邊功德。 diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị vô biên công đức, cũng tán dương công đức vô biên, không thể nghĩ bàn của Như lai,</p>

而作是言。

nhi tác thị ngôn:
mà nói lời này:

釋迦牟尼佛。

Thích Ca Mâu Ni Phật
"Đức Thích Ca Mâu Ni Phật

能為甚難希有之事。

năng vi thậm nan, hy hữu chi sự,
hay làm được việc rất khó khăn hi hữu,

皆作是言。

giai tác thị ngôn
đều nói như vậy:

甚奇希有。

thậm kì hi hữu
"Rất kỳ lạ hiếm có,

釋迦寂靜。釋迦法王。如來。應正等覺。明
行圓滿。善逝。世間解。無上丈夫。調御士
。天人師。佛。世尊。

Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như Lai,
Ứng chánh đẳng giác, Minh hành viên mãn, Thiện thế,
Thế gian giải, Vô thượng trọng phu, Điều ngự sĩ,
Thiên nhân sư, Phật, Thế tôn.

đức Thích Ca Tịch Tĩnh, Thích Ca Pháp Vương, Như
lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn,
Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trọng phu, Điều
ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật: Thế Tôn,

能於娑婆國土。

năng ư Ta Bà quốc độ,
có thể ở trong cõi Ta Bà

五濁惡世。

ngũ trược ác thế:
đời ác năm món trược:

劫濁。

kiếp trược,
kiếp trược,

見濁。

kiến trược,
kiến trược,

煩惱濁。

phiền não trược,
phiền não trược,

眾生濁。

乃能於是堪忍世界。

nãi năng ư thị Kham nhẫn thế giới,
có thể ở trong thế giới Kham nhẫn này,

五濁惡時。

ngũ trược ác thời,
vào thời kỳ dữ dội đầy cả năm thứ vẩn đục,

所謂劫濁。

sở vị kiếp trược,
đó là: kiếp trược,

諸有情濁。

chư hữu tình trược,
hữu tình trược,

諸煩惱濁。

chư phiền não trược,
phiền não trược,

見濁。

chúng sanh trước,
chúng sanh trước,

命濁中。

mạng trước trung,
mạng trước,

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề,
mà Ngài chứng được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác,

為諸眾生。

vị chư chúng sanh
Ngài vì các chúng sanh

說是一切世間難信之法。

thuyết thị nhất thiết thế giới nan tín chi pháp
nói kinh pháp mà tất cả thế gian khó tin này".

舍利弗。

Xá Lợi Phát,
Xá Lợi Phát!

當知我於五濁惡世。

Đương tri ngã, u ngũ trước ác thế,
Phải biết rằng Ta ở trong đời ác ngũ trước

行此難事。

hành thử nan sự,
thật hành việc khó này:

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề,
đặng thành bậc Vô Thượng Chánh Giác

為一切

vị nhất thiết
và vì tất cả

kiến trước,
kiến trước

命濁。

mạng trước,
và mạng trước,

於中證得阿耨多羅三藐三菩提。

ư trung chứng đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề,
lại chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

為欲方便利益安樂諸有情故。

vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố
và vì muốn phương tiện cho các hữu tình được lợi ích
yên vui,

說是世間極難信法。

thuyết thị thế gian cực nan tín pháp.
nên nói pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin.”

是故舍利子。

Thị cố xá lợi tử,
Thế nên, này xá lợi tử,

當知我今於此雜染堪忍世界五濁惡時。

đương tri ngã kim ư thử tạp nhiễm Kham nhẫn thế
giới ngũ trước ác thời
các người nên biết Như lai ở trong thời kỳ dữ dội đây
cả năm thứ vẩn đục của thế giới Kham nhẫn tạp nhiễm
này,

證得阿耨多羅三藐三菩提。

chứng đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề,
lại chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

為欲方便利益安樂諸有情故。

vị dục phương tiện lợi ích an lạc chư hữu tình cố,
và vì muốn phương tiện cho các hữu tình được lợi ích
yên vui,

世間說此難信之法。

thế giới thuyết thử, nan tín chi pháp,
thế gian nói kinh pháp khó tin này,

是為甚難。

thị vi thậm nan.
đó là rất khó!

說是世間極難信法。

thuyết thị thế gian cực nan tín pháp,
nên nói pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin này,

甚為希有不可思議。

thậm vi hi hữu bất khả tư nghị.
thì đó là việc rất hiếm có, không thể nghĩ bàn.

又舍利子。

Hựu Xá lợi tử,
Này nữa Xá lợi tử,

於此雜染堪忍世界五濁惡時。

ư thử tạp nhiễm Kham nhẫn thế giới ngũ trược ác thời,
trong thời kỳ dữ dội đầy cả năm thứ vẩn đục của thế
giới Kham nhẫn tạp nhiễm này,

若有淨信諸善男子或善女人。

nhược hữu tịnh tín chư thiện nam tử hoặc thiện nữ
nhân, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào có lòng tin
thanh tịnh,

聞說如是一切世間極難信法。

văn thuyết như thị nhất thiết thế gian cực nan tín
pháp, nghe nói về pháp môn tất cả thế gian rất khó tin
này,

能生信解。

năng sanh tín giải,
mà có sự tin hiểu,

受持演說。

thọ trì diễn thuyết,
thọ trì, diễn giảng,

如教修行。

như giáo tu hành.
tu hành đúng như kinh này dạy,

當知是人。

Đương tri thị nhân,
phải biết người ấy

甚為希有。

thậm vi hi hữu
thật là hiếm có,

無量佛所曾種善根。

vô lượng Phật sở tăng chủng thiện căn.
đã từng trồng căn lành với vô lượng đức Phật.

是人命終。

Thị nhân mạng chung,
Người ấy mạng chung

定生西方極樂世界。

định sanh Tây phương Cực lạc thế giới,
thì quyết định sanh thế giới Cực lạc ở phương Tây,

受用種種功德莊嚴清淨佛土大乘法樂。

thọ dụng chủng chủng công đức trang nghiêm thanh
tịnh Phật độ đại thừa pháp lạc,
thọ dụng cõi Phật thanh tịnh và pháp lạc đại thừa,
trang nghiêm bằng vô lượng công đức;

日夜六時。

nhật dạ lục thời
ngày đêm sáu buổi,

親近供養無量壽佛。

tân cận cúng dường Vô Lượng Thọ Phật,
thân cận, hiến cúng đức Phật Vô Lượng Thọ;

遊歷十方供養諸佛。

du lịch thập phương cúng dường chư Phật,
du hành khắp mười phương để hiến cúng chư Phật,

於諸佛所聞法受記。

ư sở văn pháp thọ ký
tù nơi chư Phật được nghe pháp, được thọ ký;

福慧資糧疾得圓滿。

phước tuệ tư lương tật đắc viên mãn,

<p>佛說此經已。 Phật thuyết thử kinh dĩ, Đức Phật nói kinh này rồi,</p> <p>舍利弗。 Xá Lợi Phát ngài Xá-Lợi-Phát</p> <p>及諸比丘。 cập chư Tỳ Kheo, cùng các vị Tỳ kheo,</p> <p>一切世間天人阿修羅等。 nhất thiết thế gian: Thiên, Nhân, A Tu La đấng, tất cả trong đời: Trời, Người, A-Tu-La, v.v...</p> <p>聞佛所說。 văn Phật sở thuyết, nghe lời của đức Phật dạy,</p> <p>歡喜信受。 hoan hỷ tín thọ, đều vui mừng tin nhận</p> <p>作禮而去。 tác lễ nhi khứ. đánh lễ mà lui ra.</p>	<p>tư lương phước tuệ chóng đạt đến viên mãn, 速證無上正等菩提。 tốc chứng Vô thượng chánh đẳng bồ đề. mau chứng Vô thượng chánh đẳng bồ đề.</p> <p>時薄伽梵說是經已。 Thời Bạc già phạm thuyết thị kinh dĩ, Khi đức Bạc già phạm nói kinh này xong,</p> <p>尊者舍利子。 tôn giả Xá lợi tử đấng, tôn giả Xá lợi tử,</p> <p>諸大聲聞。及諸菩薩摩訶薩眾。 chư đại thanh văn cập chư bồ tát ma ha tát chúng, các vị đại thanh văn, cùng chúng bồ tát ma ha tát,</p> <p>無量天人阿素洛等。一切大眾。 vô lượng thiên nhân a tố lạc đấng, nhất thiết đại chúng, vô lượng chư thiên, nhân loại, a tố lạc, hết thảy đại chúng</p> <p>聞佛所說。 văn Phật sở thuyết, nghe đức Bạc già phạm dạy,</p> <p>皆大歡喜信受奉行。 giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành. ai cũng rất hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận và phụng hành.</p>
<p>佛說阿彌陀經 Phật Thuyết A Di Đà Kinh Kinh Phật Thuyết A Di Đà</p>	<p>稱讚淨土佛攝受經 Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh Kinh Xưng Tán Tịnh Độ, Phật Nhiếp Thọ</p>